

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-6-2022
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị V**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khóm 4, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Ông **Thạch Thiện H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khóm 4, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị V trình bày: Khoảng năm 1998, bà Thạch Thị V và ông Thạch Thiện H tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do ông H không chung thủy, không quan tâm chăm sóc gia đình và mâu thuẫn

càng gay gắt khi ông H bỏ mặc gia đình chung sống với người phụ nữ khác từ tháng 8/2021 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên bà V xin ly hôn với ông H. Bà V và ông H chung sống có 02 con chung là Thạch Thị D1, sinh ngày 21/10/1999 và Thạch Bảo D2, sinh ngày 24/01/2004, các con hiện nay đều trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành, thể chất và tinh thần phát triển bình thường, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà V không yêu cầu giải quyết về con chung. Trong thời gian bà V và ông H chung sống cũng có tài sản chung, nhưng bà V xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, bà V xác định vợ chồng chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thạch Thiện H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại D2ện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị V, cho bà V ly hôn với ông Thạch Thiện H. Đối với con chung hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, bà V không yêu cầu giải quyết và ông H cũng không trình bày ý kiến hay yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn bà Thạch Thị V và bị đơn ông Thạch Thiện H. Bị đơn ông H đang cư trú tại Khóm 4, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt thông báo thụ lý, thông báo về các

phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông Thạch Thiện H, nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do. Ông H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông H theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Khoảng năm 1998, bà Thạch Thị V và ông Thạch Thiện H tự nguyện chung sống vợ chồng, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hvà được xác định hôn nhân có hiệu lực từ ngày 16/10/1998, nên hôn nhân của bà V và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà V xác định vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn do ông H không chung thủy, không quan tâm chăm sóc gia đình và ông H đã ra sống riêng với người phụ nữ khác từ tháng 8/2021 đến nay. Mặc khác, theo Biên bản xác minh ngày 22/2/2022, chính quyền địa phương xác định ông H và bà V là vợ chồng, nhưng vì mâu thuẫn gia đình nên bà V và ông H đã không còn chung sống, vợ chồng có con chung nhưng các con hiện nay đã lớn. Như vậy, sự việc bà V và ông H chung sống xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống là có xảy ra trên thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà V, ông H chung sống có mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau, khi bà V xin ly hôn thì Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng nhưng ông H vẫn không có ý kiến gì. Cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà V được ly hôn với ông H là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Thạch Thị V xác định vợ chồng chung sống chung sống có 02 con chung là Thạch Thị D1, sinh ngày 21/10/1999 và Thạch Bảo D2, sinh ngày 24/01/2004, các con hiện nay đều trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành, thể chất và tinh thần phát triển bình thường, có khả năng tự nuôi sống bản thân và bà có cung cấp giấy khai sinh của các con. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, bà V không yêu cầu giải quyết về con chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông H về việc giải quyết đối với con chung, nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung bà V không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông H về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung bà V xác định không có nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông H về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Thạch Thị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị V đối với ông Thạch Thiện H. Cho bà Thạch Thị V được ly hôn ông Thạch Thiện H.

2. Về con chung: Bà Thạch Thị V và ông Thạch Thiện H có 02 con chung là Thạch Thị D1, sinh ngày 21/10/1999 và Thạch Bảo D2, sinh ngày 24/01/2004, các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Thạch Thị V không yêu cầu giải quyết và ông Thạch Thiện H cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Thạch Thị V xác định không có nợ chung và ông Thạch Thiện H cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003833 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt